

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY  
BCG ENERGY JSC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2026  
*Ho Chi Minh City, September 15, 2026*

Số: 21/TB/2026-BGE  
No. 21/TB/2026-BGE

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
***CHANGE IN PERSONNEL***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: - *The State Securities Commission*  
- *Hanoi Stock Exchange*



Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 55/2026/NQ-HĐQT-BCGE ngày 15 tháng 09 năm 2026 của Công ty Cổ phần BCG Energy, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần BCG Energy như sau:  
*Based on Resolution No: 55/2026/NQ-HĐQT-BCGE dated September 15, 2026 of BCG Energy Joint Stock Company, we would like to announce the change in personnel of BCG Energy Joint Stock Company as follows:*

**1. Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment:**

| STT/No | Ông/Bà/Mr/Mrs.   | Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization | Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position | Thời hạn bổ nhiệm/Term | Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date |
|--------|------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|
| 1      | Lưu Khánh Trường | Kế toán trưởng/Chief Accountant                                | Giám đốc tài chính/ Chief Financial Officer    |                        | 15/09/2026                              |

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại Website:  
<https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

*This information was published on the company's website at the link:*  
<https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Nghị quyết số **55**/2026/NQ-HĐQT-BCGE /  
Decision No: **55**/2026/NQ-HĐQT-BCGE.

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**

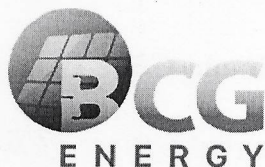
**Người UQ CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**





*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2026*  
*Ho Chi Minh City, September 15, 2026*

Số: 55/2026/NQ-HĐQT-BCGE  
No: 55/2026/NQ-HĐQT-BCGE

**NGHỊ QUYẾT**  
**RESOLUTION**

**V/v: Bổ nhiệm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần BCG Energy**  
**Re: Appointment of Chief Financial Officer of BCG Energy Joint Stock Company**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**  
**THE BOARD OF DIRECTORS**  
**BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY**



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;  
*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần BCG Energy được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/08/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);  
*Pursuant to the Charter of BCG Energy Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders on August 14, 2025 (amended and supplemented for the 19<sup>th</sup> time);*
- Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT-BCGE ngày 25/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BCG Energy v/v ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần BCG Energy (sửa đổi, bổ sung lần thứ 12);  
*Pursuant to Decision No. 09/2022/QĐ-HĐQT-BCGE dated April 25, 2022 of the Board of Directors of BCG Energy Joint Stock Company promulgating the Regulations on Organization and Operation of BCG Energy Joint Stock Company (amended and supplemented for the 12<sup>th</sup> time);*
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 11/2026/BBKP-HĐQT-BCGE ngày 15/09/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BCG Energy v/v lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị.  
*Pursuant to the Minutes of Vote Counting No. 11/2026/BBKP-HĐQT-BCGE dated September 15, 2026 of the Board of Directors of BCG Energy Joint Stock Company for collecting Board of Directors' opinions in writing to approve the Resolution of the Board of Directors.*

**QUYẾT NGHỊ  
RESOLVES**

**Điều 1. Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc Tài chính của Công ty cổ phần BCG Energy (“Công ty”):**

*Article 1. To approve the appointment of the Chief Financial Officer of BCG Energy Joint Stock Company (“Company”):*

Bổ nhiệm ông Lưu Khánh Trường với các thông tin sau giữ chức vụ Giám đốc Tài chính của Công ty từ ngày 15/09/2026.

*Appointment of Mr. Luu Khanh Truong, with the following particulars, as Chief Financial Officer of the Company, effective from September 15, 2026.*

- Họ và tên / Full name: Lưu Khánh Trường
- Năm sinh / Date of birth: 1991
- Trình độ chuyên môn / Educational Qualifications: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán / Bachelor of Accounting and Auditing

**Điều 2. Ông Lưu Khánh Trường có quyền hạn, trách nhiệm và quyền lợi như sau:**

*Article 2. Mr. Luu Khanh Truong shall have the following powers, responsibilities and entitlements:*

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Tài chính theo phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc và theo quy định tại Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan;  
*Perform the duties, powers and responsibilities of a Chief Financial Officer as assigned and authorized by the General Director and in accordance with the Charter of the Company, internal Regulations of the Company and relevant laws;*
- Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về các hoạt động của mình theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;  
*Assume personal responsibility to the Board of Directors and the General Director for the performance of his duties in compliance with the Company’s regulations and applicable laws;*
- Được hưởng mức lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác căn cứ theo quy định hiện hành của Công ty.  
*Receive salary, allowances and other benefits based on the current regulations of the Company.*

**Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Ban điều hành, Trưởng các Khối, Phòng ban, Bộ phận thuộc Công ty, Lãnh đạo các Công ty thành viên, Công ty liên kết, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.**

*Article 3. This Resolution takes effect from the date of signing. Members of the Management Board, Heads of the Divisions, Departments of the Company, Leaders of Subsidiaries, Affiliates of the Company and related individuals are responsible for the implementation of this Resolution.*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như Điều 3/As Article 3
- HĐQT (để báo cáo)/BOD (to report)
- Lưu: HĐQT/Filing: BOD

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH / CHAIRMAN**



**Ng Wee Siong, Leonard**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Independence – Freedom – Happiness*

-----

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**  
*CURRICULUM VITAE*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;  
- Hanoi Stock Exchange.

|     |                                                                                                                                              |                                                                                                          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Họ và tên / <i>Full name</i>                                                                                                                 | LƯU KHÁNH TRƯỜNG                                                                                         |
| 2.  | Giới tính / <i>Sex</i>                                                                                                                       | Nam / <i>Male</i>                                                                                        |
| 3.  | Ngày sinh / <i>Date of birth</i>                                                                                                             | 02/04/1991                                                                                               |
| 4.  | Nơi sinh / <i>Place of birth</i>                                                                                                             |                                                                                                          |
| 5.  | Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ <i>ID card No. (or Passport No.)</i> ; Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> ; Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> :         |                                                                                                          |
| 6.  | Quốc tịch / <i>Nationality</i>                                                                                                               | Việt Nam / <i>Vietnamese</i>                                                                             |
| 7.  | Dân tộc / <i>Ethnic</i>                                                                                                                      | Kinh                                                                                                     |
| 8.  | Địa chỉ thường trú / <i>Permanent residence</i>                                                                                              |                                                                                                          |
| 9.  | Số điện thoại / <i>Telephone number</i>                                                                                                      |                                                                                                          |
| 10. | Địa chỉ email / <i>Email</i>                                                                                                                 |                                                                                                          |
| 11. | Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/<br><i>Organisation's name subject to information disclosure rules</i>                            | Công ty Cổ phần BCG Energy / <i>BCG Energy Joint Stock Company</i>                                       |
| 12. | Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/<br><i>Current position in an organization subject to information disclosure</i> | Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ 15/09/2026) / <i>Chief Accountant (relieved from duty from 15/09/2026)</i> |

| 13. | Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác /<br><i>Positions in others companies</i>                                            | Tổ chức/ <i>Organization:</i>                                                                     | Chức vụ/ <i>Position:</i>                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Từ / <i>from</i> 01/2024 đến / <i>to</i> 15/09/2026<br>(miễn nhiệm từ 15/09/2026 / <i>relieved from duty from 15/09/2026</i> )      | Công ty Cổ phần BCG Energy<br><i>BCG Energy Joint Stock Company</i>                               | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i>                                                     |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy<br><i>Aurai Wind Energy Joint Stock Company</i>                 | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng<br><i>BCG Wind Soc Trang Joint Stock Company</i>               | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1<br><i>Dong Thanh 1 Wind Power Company Limited</i>              | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2<br><i>Dong Thanh 2 Wind Power Company Limited</i>              | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1<br><i>BCG Khai Long 1 Wind Power Joint Stock Company</i> | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2<br><i>BCG Khai Long 2 Wind Power Joint Stock Company</i> | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |
|     | Từ / <i>from</i> 05/2022 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3<br><i>BCG Khai Long 3 Wind Power Joint Stock Company</i> | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br><i>Chief Financial Officer cum Chief Accountant</i> |

|                                                                                                                                     |                                                                                                                        |                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Từ / <i>from</i> 02/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa<br><i>Tam Sinh Nghia Investment Development Joint Stock Company</i> | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 05/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông<br><i>BCG Dien Bien Dong Wind Power Joint Stock Company</i>                | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 06/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần Aton<br><i>Aton Joint Stock Company</i>                                                                | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty TNHH E Power 2<br><i>E Power 2 Company Limited</i>                                                             | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty TNHH E Power 3<br><i>E Power 3 Company Limited</i>                                                             | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần TSN Long An<br><i>TSN Long An Joint Stock Company</i>                                                  | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần TSN Hòn Đất<br><i>TSN Hon Dat Joint Stock Company</i>                                                  | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần TSN Hà Nam<br><i>TSN Ha Nam Joint Stock Company</i>                                                    | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |
| Từ / <i>from</i> 07/2024 đến / <i>to</i> 07/2026<br>(đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 / <i>resignation letter submitted in 07/2026</i> ) | Công ty Cổ phần TSN Huế<br><i>TSN Hue Joint Stock Company</i>                                                          | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i> |

|     |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14. | Số CP nắm giữ: .....,<br>chiếm ....% vốn điều lệ /<br><i>Number of shares in<br/>possession..... ,<br/>accounting for ....% of<br/>registered capital</i>                                            | Số CP nắm giữ: 2.734.00 CP, chiếm 0,3745% vốn điều lệ /<br><i>Number of shares in possession: 2,734,000 shares, accounting<br/>for 0.3745% of registered capital</i> |
|     | Trong đó / <i>Of which</i><br>- Đại diện (tên tổ chức là<br>Nhà nước/cổ đông chiến<br>lược/tổ chức khác) sở<br>hữu: <i>Possess on behalf of<br/>(State/strategic<br/>investor/other institution)</i> | Không / <i>None</i>                                                                                                                                                  |
|     | - Cá nhân sở hữu/ <i>Possess<br/>for own account</i>                                                                                                                                                 | 2.734.000 CP/ <i>2,734,000 shares</i>                                                                                                                                |
| 15. | Các cam kết nắm giữ (nếu<br>có) / <i>Other commitment of<br/>holding shares (if any)</i>                                                                                                             | Không / <i>None</i>                                                                                                                                                  |
| 16. | Danh sách người có liên<br>quan của người khai / <i>List of<br/>related persons of declarant</i>                                                                                                     |                                                                                                                                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>accounts (if<br>available) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>available) | Mối quan hệ<br>đối với công ty/<br>người nội bộ<br>Relationship with the<br>company/<br>internal person | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>document<br>s/<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH<br>(*)/<br>NSH No. | Ngày<br>cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp Place of<br>issue                                                                             | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa<br>chỉ liên hệ Address /<br>Head office address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br>Number of shares<br>owned at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percent<br>age of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời<br>điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>became<br>an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời<br>điểm<br>không còn là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>ceased to<br>be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay đổi<br>liên quan<br>đến mục<br>13 và<br>14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related<br>to<br>sections<br>of 13<br>and 14) | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession<br>of a NSH<br>No. and<br>other<br>notes) |
|------------|----------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                | 3                        | 4                                                                                                        | 5                                                                                  | 6                                                                                                       | 7                                                                                                                                                          | 8                                 | 9                               | 10                                                                                                    | 11                                                                        | 12                                                                                        | 13                                                                                                                  | 14                                                                                                                                                                          | 15                                                                                                                                                                                  | 16                                                                                                                                                                     | 17                                                                                                                                                            |
| 1          | BGEK                             | Lưu Khánh<br>Trường      |                                                                                                          | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Accountant                                           | Người<br>nội bộ<br>Insider                                                                              | CCCD<br>ID Card                                                                                                                                            |                                   |                                 | Cục CS QLHC<br>Về TTXH<br>Police<br>Department for<br>Administrative<br>Management of<br>Social Order |                                                                           | 2.734.000                                                                                 | 0,37%                                                                                                               | 01/2024                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                               |
| 1.01       |                                  | Đào Thị<br>Hong<br>Thanh |                                                                                                          |                                                                                    | Vợ<br>wife                                                                                              | CCCD<br>ID Card                                                                                                                                            |                                   |                                 | Cục CS QLHC<br>Về TTXH<br>Police<br>Department for<br>Administrative<br>Management of<br>Social Order |                                                                           | 0                                                                                         | 0%                                                                                                                  | 01/2024                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                               |
| 1.02       |                                  | Lưu Minh<br>Khang        |                                                                                                          |                                                                                    | Con<br>Child                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                   |                                 |                                                                                                       |                                                                           | 0                                                                                         | 0%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                        | Còn nhỏ /<br>Under<br>age                                                                                                                                     |
| 1.03       |                                  | Lưu Gia<br>Thịnh         |                                                                                                          |                                                                                    | Con<br>Child                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                   |                                 |                                                                                                       |                                                                           | 0                                                                                         | 0%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                        | Còn nhỏ /<br>Under<br>age                                                                                                                                     |



|      |                                                                     |                                                                                        |                                              |              |                           |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                 |   |    |                                                                        |
|------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------|
| 1.09 | CTCP BCG Wind Sóc Trăng BCG Wind Soc Trang JSC                      | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br>Chief Financial Officer cum Chief Accountant | Tổ chức có liên quan<br>Related organisation | GCNĐK DN ERC | 220074 02/02/2018<br>3415 | Sở KH & ĐT Sóc Trăng<br>Department of Planning and Investment of Soc Trang Province | Hẻm 1, Đường TL934, ấp Hòa Mỹ, Thị Trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam<br>Alley 1, TL934 Road, Hoa My Hamlet, My Xuyen Town, My Xuyen District, Soc Trang Province, Vietnam | 0 | 0% | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026<br>Resignation letter submitted in 07/2026 |
| 1.10 | Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1 Dong Thanh 1 Wind Power Co., Ltd | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br>Chief Financial Officer cum Chief Accountant | Tổ chức có liên quan<br>Related organisation | GCNĐK DN ERC | 210066 03/11/2020<br>1818 | Sở KH & ĐT Trà Vinh<br>Department of Planning and Investment of Tra Vinh Province   | Số 207, Ấp Giồng Giềng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam<br>No. 207, Giồng Gieng Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai Town, Tra Vinh Province, Vietnam                   | 0 | 0% | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026<br>Resignation letter submitted in 07/2026 |
| 1.11 | Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2 Dong Thanh 2 Wind Power Co., Ltd | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br>Chief Financial Officer cum Chief Accountant | Tổ chức có liên quan<br>Related organisation | GCNĐK DN ERC | 210066 03/11/2020<br>1825 | Sở KH & ĐT Trà Vinh<br>Department of Planning and Investment of Tra Vinh Province   | Số 207, Ấp Giồng Giềng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam<br>No. 207, Giồng Gieng Hamlet, Dan Thanh Commune, Duyen Hai Town, Tra Vinh Province, Vietnam                   | 0 | 0% | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026<br>Resignation letter submitted in 07/2026 |

|      |                                                                                   |                                                                                                                       |                                                           |                    |                |                |                                                                                           |                                                                                                                                                                    |   |    |  |  |  |                                                                                              |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|----------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.12 | CTCP Điện<br>gió BCG<br>Khai Long<br>1<br>BCG Khai<br>Long 1<br>Wind<br>Power JSC | Giám đốc Tài<br>chính<br>kiểm Kế<br>toán<br>trưởng<br>Chief<br>Financial<br>Officer<br>cum<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organisa<br>tion | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 200127<br>9358 | 17/11/<br>2017 | Sở KH & ĐT Cà<br>Mau<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ca<br>Mau Province | Áp Khai Long, Xã Đất<br>Mũi, Huyện Ngọc Hiển,<br>Tỉnh Cà Mau, Việt Nam<br>Khai Long Hamlet, Dat<br>Mui Commune, Ngoc<br>Hien District, Ca Mau<br>Province, Vietnam | 0 | 0% |  |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.13 | CTCP Điện<br>gió BCG<br>Khai Long<br>2<br>BCG Khai<br>Long 2<br>Wind<br>Power JSC | Giám đốc Tài<br>chính<br>kiểm Kế<br>toán<br>trưởng<br>Chief<br>Financial<br>Officer<br>cum<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organisa<br>tion | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 200129<br>0802 | 12/04/<br>2018 | Sở KH & ĐT Cà<br>Mau<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ca<br>Mau Province | Áp Khai Long, Xã Đất<br>Mũi, Huyện Ngọc Hiển,<br>Tỉnh Cà Mau, Việt Nam<br>Khai Long Hamlet, Dat<br>Mui Commune, Ngoc<br>Hien District, Ca Mau<br>Province, Vietnam | 0 | 0% |  |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.14 | CTCP Điện<br>gió BCG<br>Khai Long<br>3<br>BCG Khai<br>Long 3<br>Wind<br>Power JSC | Giám đốc Tài<br>chính<br>kiểm Kế<br>toán<br>trưởng<br>Chief<br>Financial<br>Officer<br>cum<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organisa<br>tion | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 200134<br>8989 | 18/05/<br>2021 | Sở KH & ĐT Cà<br>Mau<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ca<br>Mau Province | Áp Khai Long, Xã Đất<br>Mũi, Huyện Ngọc Hiển,<br>Tỉnh Cà Mau, Việt Nam<br>Khai Long Hamlet, Dat<br>Mui Commune, Ngoc<br>Hien District, Ca Mau<br>Province, Vietnam | 0 | 0% |  |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.15 | Công ty<br>TNHH E<br>Power 2<br>E Power 2                                         | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Account<br>ant                                                                          | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related                     | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 031794<br>6798 | 21/07/<br>2023 | Sở KH&ĐT<br>TP.HCM<br>Department of<br>Planning and                                       | 27C Quốc Hương,<br>Phường Thảo Điền,<br>Thành phố Thủ Đức,<br>Thành phố Hồ Chí Minh,                                                                               | 0 | 0% |  |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026                                                         |

|      |                                                                                                                     |  |                                              |                                                           |                    |                |                |  |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                           |   |    |  |  |                                                                                              |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|----------------|----------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | E Power<br>2 Co., Ltd                                                                                               |  | ant                                          | organis<br>ation                                          |                    |                |                |  | Investment of Ho<br>Chi Minh City                                                                | Việt Nam<br>27C Quoc Huong, Thao<br>Dien Ward, Thu Duc City,<br>Ho Chi Minh City,<br>Vietnam                                                                                                                                              |   |    |  |  | Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026                                         |
| 1.16 | Công ty<br>TNHH E<br>Power 3<br>E Power<br>3 Co., Ltd                                                               |  | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organis<br>ation | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 031793<br>0692 | 13/07/<br>2023 |  | Sở KH&ĐT<br>TP.HCM<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City         | 27C Quốc Hương,<br>Phường Thảo Điền,<br>Thành phố Thủ Đức,<br>Việt Nam<br>27C Quoc Huong, Thao<br>Dien Ward, Thu Duc City,<br>Ho Chi Minh City,<br>Vietnam                                                                                | 0 | 0% |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.17 | CTCP<br>Đầu tư -<br>Phát triển<br>Tâm Sinh<br>Nghĩa<br>Tam Sinh<br>Nghĩa<br>Investmen<br>t -<br>Developm<br>ent JSC |  | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organis<br>ation | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 030437<br>4871 | 22/05/<br>2006 |  | Sở KH&ĐT<br>TP.HCM<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City         | Số 2 Đường Liên Khu 1-<br>6, Khu phố 6, Phường<br>Bình Trị Đông, Quận<br>Bình Tân, Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt Nam<br>No. 2 Lien Khu 1-6 Road,<br>Quarter 6, Binh Tri Dong<br>Ward, Binh Tan District,<br>Ho Chi Minh City,<br>Vietnam | 0 | 0% |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.18 | CTCP<br>BCG<br>Điện Gió<br>Điện Biên<br>Đông<br>BCG<br>Dien Bien<br>Dong<br>Wind<br>Power<br>JSC                    |  | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organis<br>ation | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 560034<br>5862 | 24/04/<br>2024 |  | Sở KH&ĐT<br>Điện Biên<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Dien Bien<br>Province | 86A, đường Hòa Bình, tổ<br>dân phố 10, phường Tân<br>Thanh, Tp. Điện Biên<br>Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt<br>Nam<br>86A, Hoa Binh Street,<br>Residential Group 10,<br>Tan Thanh Ward, Dien<br>Bien Phu City, Dien Bien<br>Province, Vietnam  | 0 | 0% |  |  | Đã nộp<br>đơn từ<br>nhiệm<br>07/2026<br>Resignati<br>on letter<br>submitted<br>in<br>07/2026 |
| 1.19 | CTCP<br>Tâm Sinh<br>Nghĩa<br>Hòn Đất<br>Tam Sinh<br>Nghĩa                                                           |  | Kế toán<br>trưởng<br>Chief<br>Account<br>ant | Tổ chức<br>có liên<br>quan<br>Related<br>organis<br>ation | GCNĐK<br>DN<br>ERC | 170229<br>2468 | 10/04/<br>2024 |  | Sở KH&ĐT<br>Kiên Giang<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of                         | 1/74 ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ<br>Lâm, Huyện Hòn Đất,<br>Kiên Giang<br>1/74 Mỹ Hưng Hamlet,<br>My Lam Commune, Hon                                                                                                                                | 0 | 0% |  |  | Thôi<br>nhiệm từ<br>12/07/202<br>4<br>Resigned<br>from                                       |

|      |                                                   |                                 |                                           |              |            |            |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |                     |                                   |  |  |  |  |  |                                                                      |
|------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|--------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------|
|      | Hon Dat JSC                                       |                                 |                                           |              |            |            |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         | Kien Giang Province | Dat District, Kien Giang Province |  |  |  |  |  | 12/07/2024                                                           |
| 1.20 | CTCP Tâm Nghĩa Long An Tam Sinh Nghia Long An JSC | Kế toán trưởng Chief Accountant | Tổ chức có liên quan Related organization | GCNĐK DN ERC | 1102055063 | 10/04/2024 | Sở KH&ĐT Long An Department of Planning and Investment of Long An Province              | Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An Land Plot No. 33, Map Sheet No. 5, Hamlet 3, Tan Dong Commune, Thanh Hoa District, Long An Province                    | 0                   | 0%                                |  |  |  |  |  | Thời nhiệm từ 15/07/2024 Resigned from 12/07/2024                    |
| 1.21 | CTCP Aton Aton JSC                                | Kế toán trưởng Chief Accountant | Tổ chức có liên quan Related organization | GCNĐK DN ERC | 0318486286 | 03/06/2024 | Sở KH&ĐT TP.HCM Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City               | 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh 27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City                                                               | 0                   | 0%                                |  |  |  |  |  | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 Resignati on letter submitted in 07/2026 |
| 1.22 | CTCP TSN Long An TSN Long An JSC                  | Kế toán trưởng Chief Accountant | Tổ chức có liên quan Related organization | GCNĐK DN ERC | 0318555388 | 08/07/2024 | Sở KH & ĐT tỉnh Long An Department of Planning and Investment of Long An Province       | Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, ấp 3, Xã Tân Đông, Huyện Thanh Hoá, Tỉnh Long An, Việt Nam Land Plot No. 33, Map Sheet No. 5, Hamlet 3, Tan Dong Commune, Thanh Hoa District, Long An Province, Vietnam | 0                   | 0%                                |  |  |  |  |  | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 Resignati on letter submitted in 07/2026 |
| 1.23 | CTCP TSN Hòn Đất TSN Hon Dat JSC                  | Kế toán trưởng Chief Accountant | Tổ chức có liên quan Related organization | GCNĐK DN ERC | 0318555356 | 08/07/2024 | Sở KH & ĐT tỉnh Kiên Giang Department of Planning and Investment of Kien Giang Province | 1/74 ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam 1/74 My Hung Hamlet, Hon My Lam Commune, Hon Dat District, Kien Giang Province, Vietnam                                            | 0                   | 0%                                |  |  |  |  |  | Đã nộp đơn từ nhiệm 07/2026 Resignati on letter submitted in 07/2026 |
| 1.24 | CTCP TSN Hà Nam                                   | Kế toán trưởng Chief            | Tổ chức có liên quan                      | GCNĐK DN ERC | 0318553870 | 08/07/2024 | Sở KH & ĐT tỉnh Hà Nam Department of                                                    | Thôn Ngọc Thủy, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt                                                                                                                                     | 0                   | 0%                                |  |  |  |  |  | Đã nộp đơn từ nhiệm                                                  |

|      |                          |  |                                    |                                              |              |                        |  |                                                                                                    |                                                                                                                                         |   |    |  |  |  |                                                                        |
|------|--------------------------|--|------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--|--|--|------------------------------------------------------------------------|
|      | TSN Ha Nam JSC           |  | Accountant                         | Related organization                         |              |                        |  | Planning and Investment of Ha Nam Province                                                         | Nam Ngoc Thuy Village, Duy Minh Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province, Vietnam                                                           |   |    |  |  |  | 07/2026 Resignation letter submitted in 07/2026                        |
| 1.25 | CTCP TSN Huế TSN Hue JSC |  | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant | Tổ chức có liên quan<br>Related organization | GCNĐK DN ERC | 031855 08/07/2024 3888 |  | Sở KH & ĐT Tỉnh Thừa Thiên Huế<br>Department of Planning and Investment of Thua Thien Hue Province | Tổ 12, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam<br>Group 12, Thuy Phuong Ward, Huong Thuy Town, Hue City, Vietnam | 0 | 0% |  |  |  | Đã nộp đơn từ nhiệm<br>07/2026 Resignation letter submitted in 07/2026 |

**Ghi chú: Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019**

46. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, mẹ chồng, bố chồng, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

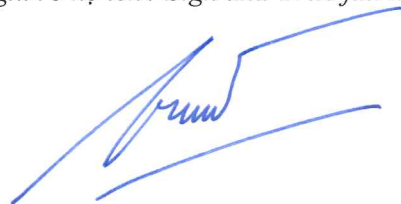
g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

|     |                                                                                                                                        |                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 17. | Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Related interest with public company, public fund (if any)</i> | Không / <i>None</i> |
| 18. | Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Conflict interest with public company, public fund (if any)</i>  | Không / <i>None</i> |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật / *I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng 09 năm 2026  
Ho Chi Minh City, September **14** 2026

**Người khai / Declarant**  
(Ký, ghi rõ họ tên / *Sign and write full name*)



**LƯU KHÁNH TRƯỜNG**